

**TÒA ÁN NHÂN DÂN**  
**KHU VỰC 10**  
**TỈNH LÂM ĐỒNG**  
Bản án số: 43/2025/HSST  
Ngày: 31-7-2025

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10, TỈNH LÂM ĐỒNG**  
*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*  
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Bích Ngọc*  
*Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Lê Phong, Cán bộ hưu trí; ông Lê Văn Toàn, giáo viên về hưu.*  
*Thư ký phiên tòa: bà Bùi Thị Minh Trang - Thư ký Tòa án.*  
*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Hằng - Kiểm sát viên.*

Ngày 31 tháng 7 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 10, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 09/2025/TLST-HS, ngày 09 tháng 7 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 356/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 6 năm 2025, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Đồng T**; Giới tính: nam; Tên gọi khác: Cậu Ba;  
Sinh ngày 14 tháng 11 năm 2007, tại tỉnh Bình Thuận;  
Nơi ĐKKTT và chỗ ở: thôn P, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận, nay là phường B, tỉnh Lâm Đồng.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không;  
Trình độ học vấn: 7/12; Nghề nghiệp: không;  
Con ông Nguyễn Hồng S, sinh năm 1981  
Con bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1983  
Hiện cùng trú thôn P, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận, nay là phường B, tỉnh Lâm Đồng.

Anh chị em ruột: có 03 người, bị cáo là con thứ hai trong gia đình;  
Tiền án, Tiền sự: không;  
Nhân thân: không.  
Bị cáo bị bắt quả tang và tạm giữ từ ngày 25/4/2025, hiện đang bị tạm giam tại Phân trại Tạm giam Khu vực 1 thuộc Trại tạm giam số 3 - Công an tỉnh L.

2. Họ và tên: **Nguyễn Gia B**; Giới tính: nam;  
Sinh ngày 11 tháng 10 năm 2006 - tại tỉnh Bình Thuận;  
Nơi ĐKKTT và chỗ ở: khu phố G, phường L, thành phố P, nay là phường P, tỉnh Lâm Đồng.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không;  
Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: không;  
Con ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1985;  
Con bà Nguyễn Thị Ngọc S1, sinh năm 1985;  
Hiện cùng trú tại: khu phố G, phường L, thành phố P, nay là phường P, tỉnh Lâm Đồng.

Anh chị em ruột, bị cáo là con duy nhất trong gia đình.

Tiền án, Tiền sự: không;

Nhân thân: không;

Bị cáo bị bắt quả tang và tạm giữ từ ngày 25/4/2025, hiện đang bị tạm giam tại Phân trại Tạm giam Khu vực 1 thuộc Trại tạm giam số 3 - Công an tỉnh L.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**Người đại diện theo pháp luật của bị cáo** Nguyễn Đồng T: bà Nguyễn

Thị Hằng, sinh năm: 1983; Địa chỉ: thôn P, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận, nay là phường B, tỉnh Lâm Đồng.

**Bị hại:**

1. Lê Bá P1, sinh năm: 1991

Địa chỉ: khu phố C, phường Đ, thành phố P, tỉnh Bình Thuận. Nay là phường P, tỉnh Lâm Đồng.

2. Nguyễn Thị Kim H1 sinh năm: 1989

Địa chỉ: thôn X, xã P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận. Nay là phường B, tỉnh Lâm Đồng.

3. Nguyễn Minh T1, sinh năm: 1989

Địa chỉ: khu phố F, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận. Nay là phường P, tỉnh Lâm Đồng.

4. Phan Ngọc T2, sinh năm: 2008

Địa chỉ: thôn T, xã T, thành phố P, tỉnh Bình Thuận. Nay là phường M, tỉnh Lâm Đồng.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

**Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:** Từ ngày 26/9/2024 đến ngày 25/4/2025, Nguyễn Đồng T đã 04 lần, Nguyễn Gia B đã 01 lần thực hiện hành vi “Trộm cắp tài sản” trên địa bàn thành phố P như sau:

Vụ thứ nhất: Vào lúc 00 giờ 00 phút ngày 26/9/2024, Nguyễn Đồng T gọi điện thoại qua ứng dụng messenger cho *Nguyễn Hoàng Đăng K* (sinh ngày 16/10/2010, trú tại thôn F, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận) rủ K đi tìm tài sản sơ hở để trộm cắp bán lấy tiền tiêu xài thì K đồng ý. Sau đó, T và K đi bộ đến trước quán C (địa chỉ số A, đường L, khu phố A, phường P) do anh Lê Bá P1 (sinh năm 1991, trú tại khu phố G, phường Đ, thành phố P, nay là phường P, tỉnh Lâm Đồng) làm chủ, thấy quán không có người trông coi nên T bảo K đứng ngoài cảnh giới để T vào quán lấy tài sản. T trèo qua cửa sổ vào bên trong quán phát hiện trên bàn tại quầy pha chế có 01 chiếc laptop hiệu Dell, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 và tiền Việt Nam 600.000 đồng. T lấy trộm 01 chiếc laptop hiệu Dell ra ngoài đưa cho K cầm rồi đi vào trong quán lấy trộm 01 điện thoại iphone 7 cùng số tiền 600.000 đồng và đi ra ngoài cùng K tẩu thoát. Sau đó, T và K đến nhà nghỉ D (thuộc phường P, thành phố P, nay là phường P, tỉnh Lâm Đồng) thuê phòng nghỉ. Đến khoảng 07 giờ 00 phút cùng ngày, T gọi qua ứng dụng messenger cho Lê Văn

Út (sinh năm 1998, trú tại hẻm A đường V, khu phố E, phường B, thành phố P, nay là phường P, tỉnh Lâm Đồng) nói với Ú cần bán 01 laptop hiệu Dell với giá 1.000.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 với giá 500.000 đồng thì Ú hẹn gặp T tại đường V. T gặp Ú và đưa Ú xem 01 laptop hiệu Dell và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7, Ú hỏi T “số tài sản trên của ai” thì T trả lời “điện thoại và

laptop của chị gái nhờ bán giùm”. Nghe vậy nên Ú đồng ý mua với giá 1.500.000 đồng. Sau khi bán tài sản, T và K tiêu xài hết số tiền trên.

Sau khi mua laptop và điện thoại của T, Ú bán laptop cho anh Bùi Thanh T3 (sinh năm 1984, trú tại khu phố A, phường H, thành phố P, nay là phường P, tỉnh Lâm Đồng) với giá 1.200.000 đồng. Sau đó, anh T3 bán laptop lại cho một người không rõ nhân thân thông qua mạng xã hội Facebook với giá 1.700.000 đồng. Đối với điện thoại Iphone 7, Ú bán cho một người không rõ nhân thân thông qua mạng xã hội Facebook với giá 750.000 đồng.

Anh Lê Bá P1 sau khi phát hiện tài sản bị kẻ gian lấy trộm thì trình báo Công an phường P. Sau đó, T và K bị Công an phường P phát hiện và đưa về trụ sở để làm việc.

Vật chứng của vụ án: không thu hồi được.

Tại Kết luận định giá tài sản số 10/KL-HĐĐG ngày 12/02/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố P kết luận:

Do không thu hồi được tài sản nên định giá thông qua hồ sơ, tài sản định giá bao gồm 01 Laptop hiệu Dell Core i5, màu đen đã qua sử dụng trị giá 3.500.000 đồng và 01 điện thoại Iphone 7 Plus màu vàng 64Gb đã qua sử dụng, hoạt động bình thường, không bị trầy xước trị giá 1.400.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 4.900.000 đồng.

Về dân sự: Bị hại Lê Bá P1 yêu cầu T bồi thường 10.600.000 đồng là giá trị số tài sản bị chiếm đoạt, đến nay T vẫn chưa bồi thường số tiền nêu trên.

Vụ thứ hai: Vào khoảng 19 giờ ngày 29/10/2024, Nguyễn Minh K1 (sinh ngày 05/3/2012, trú tại thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận) đang chơi tại nhà của T tại xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận (nay là phường B, tỉnh Lâm Đồng), lúc này T rủ K1 đi trộm cắp tài sản, K1 đồng ý. T và K1 đi bộ đến xã P, thành phố P (nay là phường B, tỉnh Lâm Đồng) tìm tài sản lấy trộm. Khi đến nhà chị Nguyễn Thị Kim H1 ở thôn X, xã P thì cả hai phát hiện xe mô tô biển số 86C1- 083.74 đang dựng trong sân nhà không có người trông coi, chìa khóa cắm sẵn trên xe nên T và K1 nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe này. T bảo K1 đi vào trong sân dắt xe ra ngoài còn T đứng ngoài cảnh giới, K1 đồng ý. K1 lén lút đi vào trong sân dắt chiếc xe mô tô biển số 86C1-083.74 ra trước cổng, sau đó T điều khiển xe mô tô biển số 86C1-083.74 chở K1 ngồi phía sau chạy về nhà của T tại xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận (nay là phường B, tỉnh Lâm Đồng) để cất giấu. Đến khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, chị Nguyễn Thị Kim H1 phát hiện xe mô tô biển số 86C1-083.74 bị kẻ gian lấy trộm nên đã đến Công an xã P trình báo sự việc.

Vào khoảng 13 giờ ngày 30/10/2024, T điều khiển xe mô tô biển số 86C1-083.74 đến công viên V (thuộc phường P, thành phố P) ngồi chơi thì bị lực lượng Công an phường P đưa về trụ sở làm việc. Tại trụ sở Công an, T đã khai nhận cùng với Nguyễn Minh K1 trộm cắp xe mô tô biển số 86C1-083.74 tại thôn X, xã P, thành phố P vào ngày 29/10/2024 như trên.

Vật chứng của vụ án: 01 xe mô tô biển số 86C1-083.74 nhãn hiệu Yamaha, số loại LUVIAS, số máy 44S1-038580, số khung 4S10BY038573 (do Nguyễn Đồng T giao nộp).

Tại kết luận định giá tài sản số A, ngày 21/02/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố P kết luận: 01 xe mô tô biển số 86C1- 083.74 nhãn hiệu Yamaha, số loại LUVIAS, số máy 44S1-038580, số khung 4S10BY038573, đã qua sử dụng, hoạt động bình thường, trị giá 3.000.000 đồng.

Xử lý vật chứng và dân sự:

Quá trình điều tra xác định, xe mô tô biển số 86C1-083.74 do anh Nguyễn Văn Q (sinh năm 1991, trú tại khu phố E, phường P, thành phố P, là em trai của chị H1) đứng tên trong giấy đăng ký xe. Anh Q và chị H1 khai, tại thời điểm mua xe mô tô nêu trên do chị H1 chưa có giấy phép lái xe mô tô nên nhờ anh Q đứng tên trên giấy đăng ký xe. Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe mô tô biển số 86C1-083.74 cho chị H1. Chị H1 đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường gì về dân sự.

Vụ thứ ba: Vào lúc 22 giờ 30 phút ngày 29/10/2024, Nguyễn Đồng T cùng với Nguyễn Minh K1 đi bộ quanh khu vực đường H, khu phố A, phường P để tìm tài sản trộm cắp. Khi đến trước quán C1 (thuộc khu phố A, phường P) T và K1 thấy quán đang đóng cửa, anh Nguyễn Minh T1 (sinh năm 1989, trú tại khu phố F, phường P, là bảo vệ của quán) đang nằm ngủ, chiếc xe mô tô hiệu SYM STARX, biển số 86C1-66151 đang để trong sân, chìa khóa cắm sẵn trên xe. T và K1 đi vào trong quán dắt xe ra, T điều khiển xe mô tô chở K1 chạy về nhà của T tại thôn P, xã H, nay là phường B, tỉnh Lâm Đồng cất giấu.

Đến 07 giờ ngày 30/10/2024, anh Nguyễn Minh T1 phát hiện xe mô tô biển số 86C1-661.51 bị mất trộm nên đã đến Công an phường P trình báo. Qua xác minh, Công an phường P xác định T và K1 lấy trộm tài sản của anh T1 nên đưa về trụ sở làm việc. Tại Cơ quan Công an, K1 và T thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản như đã nêu trên.

Vật chứng của vụ án: 01 chiếc xe mô tô hiệu SYM STARX, màu xám đỏ, biển số 86C1-661.51, số máy: MVB1AD002393, số khung: 12ADH002393 (do Nguyễn Đồng T giao nộp); 01 USB màu xanh trắng, bên trên có dòng chữ APATA COO8/12Gb bên trong có 01 đoạn clip dài 2 phút 42 giây ghi lại hình ảnh T và K1 lấy trộm xe mô tô biển số 86C1-661.51 tại quán A vào ngày 29/10/2024 (do Nguyễn Minh T1 giao nộp).

Tại Kết luận định giá tài sản số 13/KL-HĐĐG ngày 12/02/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố P kết luận: “Xe mô tô hiệu SYM STARX, màu xám đỏ, biển số 86C1-661.51, số máy MVB1AD002393, số khung 12ADHD002393, xe đã qua sử dụng hoạt động bình thường thời điểm định giá 29/10/2024 trị giá 4.666.667 đồng”.

Xử lý vật chứng và dân sự:

Quá trình điều tra xác định, xe mô tô biển số 86C1-661.51 do Nguyễn Quốc V (sinh năm 1981, trú tại khu phố F, phường P, thành phố P, là anh trai của anh Nguyễn Minh T1) là chủ sở hữu nhưng giao cho T1 sử dụng. Cơ quan điều tra đã trả lại xe mô tô biển số 86C1-661.51 cho T1. T1 đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường về dân sự.

Đối với USB màu xanh trắng, bên trên có dòng chữ APATA COO8/12Gb bên trong có lưu trữ 01 đoạn clip dài 2 phút 42 giây lại hình ảnh T và K1 lấy trộm xe mô tô biển số 86C1-661.51 tại quán A vào ngày 29/10/2024, lưu theo hồ sơ để phục vụ xét xử.

Vụ thứ tư: Vào khoảng 23 giờ ngày 24/4/2025, Nguyễn Gia B (sinh ngày 11/10/2006, trú tại khu phố G, phường Đ, thành phố P, nay là phường P, tỉnh Lâm Đồng) nhắn tin cho Nguyễn Đồng T qua ứng dụng messenger rủ đi trộm cắp tài sản bán lấy tiền tiêu xài, T đồng ý. Đến khoảng 00 giờ ngày 25/4/2025, Nguyễn Đồng T điều khiển xe mô tô biển số 51U4 -5146 chở B đi đến khu vực thôn T, xã T, thành phố P (nay phường M, tỉnh Lâm Đồng) thì phát hiện xe mô tô biển số 94B1-040.97

của anh Phan Ngọc T2 (sinh ngày 30/01/2008, trú tại thôn T, xã T) đang để trước nhà, không có người trông coi nên B và T nảy sinh ý định trộm cắp. B nói T đứng canh giới còn B đi bộ lại gần chiếc xe mô tô biển số 94B1-040.97, thấy xe không khóa cổ nên B dắt xe ra đường đập xe nổ máy rồi điều khiển xe biển số 94B1-040.97 cùng với T điều khiển xe mô tô biển số 51U4 -5146 chạy ra đường G về hướng M.

Anh T2 khi phát hiện xe mô tô biển số 94B1-040.97 bị T và B lấy trộm anh cùng ông ngoại là Phan Quốc Đ (sinh năm 1965, trú tại thôn T, xã T, thành phố P) truy đuổi theo đến thôn T, xã T, thành phố P. Khi phát hiện anh T2 đuổi theo, B để lại xe 94B1-040.97 vừa mới trộm lại rồi lên xe mô tô biển số 51U4-5146 do T điều khiển để tẩu thoát nhưng bị anh Phan Ngọc T2 đuổi kịp. Thấy vậy, B và T bỏ xe mô tô biển số 51U4 -5146 ngoài đường rồi chạy vào rừng keo lá tràm thì bị anh T2 và người dân đuổi theo bắt được, trình báo Công an xã T lập biên bản phạm tội quả tang đối với T và B. Tại trụ sở Công an, T và B đã khai nhận hành vi như đã nêu trên.

Vật chứng của vụ án: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Sirius, màu sơn trắng, đen, biển số 94B1-040.97, số khung C640BY637290, số máy 5C64- 637278 (do ông Phan Quốc Đ giao nộp).

01 xe mô tô nhãn hiệu RS, màu sơn đỏ, đen, biển số 52U4 - 5146, số khung H-006888, số máy SE-006888 (do Nguyễn Đồng T giao nộp).

Tại Kết luận định giá tài sản số 37/KL-HĐĐG ngày 28/4/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố P kết luận: “01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Sirius, biển số 94B1-040.97, đã qua sử dụng, không có búng hai bên, mặt nạ trước, mặt đồng xe đã bị hư hỏng, xe hoạt động bình thường, trị giá 2.300.000 đồng.

Xử lý vật chứng và dân sự:

Quá trình điều tra xác định, xe mô tô biển số 94B1-040.97 do chị Lữ Thị Kim N (sinh năm 1988, trú tại thôn Thành Thương C, xã An Trạch A, huyện Đông

Hải, tỉnh Bạc Liêu) đứng tên chủ sở hữu. Chị N khai vào năm 2010 đã bán xe mô tô nêu trên cho một người (chưa rõ nhân thân) với giá 15.000.000 đồng. Vào năm 2022, anh Nguyễn Trí P2 (sinh năm 2001, trú tại thôn T, xã T, thành phố P) đến tiệm cầm đồ Hữu T4 (không rõ địa chỉ) mua xe mô tô biển số 94B1-040.97 (có giấy đăng ký xe mang tên Lữ Thị Kim N) với giá 11.500.000 đồng. Sau đó, anh T4 bán lại xe mô tô trên cho anh Phan Ngọc T2, giữa anh T2 và anh T4 không làm hợp đồng mua bán xe. Hiện Cơ quan điều tra đã trả lại xe mô tô biển số 94B1-040.97 cho anh T2, anh T2 đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường về dân sự.

Đối với xe mô tô biển số 52U4-5146 do anh Nguyễn Ngọc T5 (sinh năm 1990, trú tại phường A, quận A, thành phố Hồ Chí Minh) đứng tên sở hữu. Vào năm 2016, anh T5 bán xe mô tô nêu trên cho anh Trần Thanh H2 (sinh năm 1982, trú tại khu phố E, phường P, thành phố P) với giá 10.000.000 đồng. Sau đó, đến tháng 8/2024, anh H2 bán xe mô tô nêu trên cho chị Nguyễn Thị H (sinh năm 1983, trú tại thôn P, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận, là mẹ của Nguyễn Đồng T) với giá 5.000.000 đồng. Việc Nguyễn Đồng T tự ý lấy xe mô tô nêu trên cùng với Nguyễn Gia B thực hiện hành vi trộm cắp tài sản chị H không biết. Do đó, Cơ quan điều tra đã trả lại xe mô tô nêu trên cho chị H, chị H đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường về dân sự.

*Tại phiên tòa sơ thẩm:*

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10, tỉnh Lâm Đồng giữ nguyên quyết định truy tố theo Cáo trạng số: 05/CT/VKSPT-HS ngày 08/7/2025, của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10, tỉnh Lâm Đồng.

- Đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Tuyên bố: bị cáo Nguyễn Đồng T và Nguyễn Gia B phạm tội: “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

1.1 Áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm g, o khoản 1 Điều 52; Điều 91, Điều 98, khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự và khoản 1 Điều 119, khoản 2 Điều 179 Luật Tư pháp người chưa thành niên; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

1.2 Xử phạt bị cáo **Nguyễn Đồng T** từ 12 đến 15 tháng tù.

1.3 Áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm o khoản 1 Điều 52; điểm i, s khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự.

1.4 Xử phạt bị cáo **Nguyễn Gia B** từ 06 đến 09 tháng tù.

Xử lý vật chứng và dân sự: đề nghị HĐXX xử lý theo quy định pháp luật.

Các Bị hại có đơn xin xét xử vắng mặt, bị hại Nguyễn Minh T1 xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Nguyễn Đồng T. Về Dân sự các bị hại anh P1, anh T2, anh T1, chị H1 không yêu cầu gì.

Các Bị cáo không có ý kiến tranh luận, trình bày lời nói sau cùng các bị cáo đều xin được giảm nhẹ hình phạt.

*Căn cứ vào các tình tiết và chứng cứ nêu trên:*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tại phiên tòa vắng mặt các bị hại: Lê Bá P1, Nguyễn Minh T1, Phan Ngọc T2, Nguyễn Thị Kim H1 đều có đơn xin xét xử vắng mặt vì vậy HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về căn cứ xác định hành vi: Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi của bị cáo được nêu trong Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết là đúng thực tế. Nhận thấy lời khai của bị cáo là phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ, đã được thẩm tra tại phiên tòa, đủ cơ sở xác định: Đây là vụ án “Trộm cắp tài sản” do Nguyễn Đồng T, Nguyễn Gia B thực hiện.

**Vụ thứ nhất:** Vào lúc 00 giờ 00 phút ngày 26/9/2024, tại quán C (địa chỉ số A, đường L, khu phố A, phường P, thành phố P, nay là phường P, tỉnh Lâm Đồng), Nguyễn Đồng T và Nguyễn Hoàng Đăng K có hành vi lén lút trộm cắp 01 Laptop màu đen hiệu Dell trị giá 3.500.000 đồng, 01 Iphone 7 plus màu vàng trị giá 1.400.000 đồng và tiền Việt Nam 600.000 đồng của anh Lê Bá P1.

Tổng giá trị tài sản T và K chiếm đoạt của anh Lê Bá P1 là 5.500.000 đồng.

**Vụ thứ hai:** Vào khoảng 19 giờ ngày 29/10/2024, tại thuộc thôn X, xã P, thành phố P, nay là phường B, tỉnh Lâm Đồng), Nguyễn Đồng T, Nguyễn Minh K1 có hành vi lén lút chiếm đoạt xe mô tô biển số 86C1-083.74 trị giá 3.000.000 đồng của chị Nguyễn Thị Kim H1.

**Vụ thứ ba:** Vào lúc 22 giờ 30 phút ngày 29/10/2024, tại khu phố A, phường P, thành phố P, nay là phường P, tỉnh Lâm Đồng, Nguyễn Đồng T và Nguyễn Minh K1

có hành vi lén lút chiếm đoạt xe mô tô biển số 86C1-661.51 trị giá 4.666.667 đồng của anh Nguyễn Minh T1.

**Vụ thứ tư:** Vào khoảng 04 giờ ngày 25/4/2025, tại thôn T, xã T, thành phố P, nay là phường M, tỉnh Lâm Đồng, Nguyễn Đồng T và Nguyễn Gia B có hành vi lén lút chiếm đoạt xe mô tô biển số 94B1-040.97 trị giá 2.300.000 đồng của anh Phan Ngọc T2.

Hành vi nêu trên của Nguyễn Đồng T và Nguyễn Gia B là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản hợp pháp của người khác và gây mất trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy cần phải xử lý bằng biện pháp hình sự để răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm chung.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[3.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Đồng T đã bốn lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản mà mỗi lần đều cấu thành tội phạm, tổng giá trị T chiếm đoạt của các bị hại là 15.466.667 đồng, đồng thời T có hành vi rủ rê, xúi giục Nguyễn Hoàng Đăng K và Nguyễn Minh K1 là người dưới 18 tuổi phạm tội, là các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “ Phạm tội 02 lần trở lên” và “Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội” quy định tại điểm g, o khoản 1 Điều 52 BLHS.

[3.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Đồng T trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo T có nhân thân tốt, đã thành khẩn khai báo, bị hại T1 có đơn xin giảm nhẹ hình phạt nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, Nguyễn Đồng T là người đủ 16 tuổi, nhưng dưới 18 tuổi nên áp dụng Chương XII của Bộ luật Hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội để xử lý, quy định tại Điều 91, Điều 98, khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự và khoản 1 Điều 119, khoản 2 Điều 179 Luật Tư pháp người chưa thành niên để xem xét khi áp dụng hình phạt.

[3.3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Gia B có hành vi rủ rê, xúi giục Nguyễn Đồng T là người dưới 18 tuổi phạm tội, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “ Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội” quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 BLHS.

[3.4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Gia B trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo B có nhân thân tốt, đã thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, giá trị tài sản B chiếm đoạt của bị hại anh Phan Ngọc T2 là 2.300.000 đồng nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Về ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10, tỉnh Lâm đồng: về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt là tương xứng với mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

[5]. Về xử lý vật chứng:

[5.1]. Xe mô tô biển số 86C1-083.74 do anh Nguyễn Văn Q (sinh năm 1991, trú tại khu phố E, phường P, thành phố P, là em trai của chị H1) đứng tên trong giấy đăng ký xe. Anh Q và chị H1 khai, tại thời điểm mua xe mô tô nêu trên do chị H1 chưa có giấy phép lái xe mô tô nên nhờ anh Q đứng tên trên giấy đăng ký xe. Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe mô tô biển số 86C1-083.74 cho chị H1.

[5.2]. Xe mô tô biển số 86C1-661.51 do Nguyễn Quốc V (sinh năm 1981, trú tại khu phố F, phường P, thành phố P, là anh trai của anh Nguyễn Minh T1) là chủ

sở hữu nhưng giao cho T1 sử dụng. Cơ quan điều tra đã trả lại xe mô tô biển số 86C1-661.51 cho T1.

[5.3]. Đối với USB màu xanh trắng, bên trên có dòng chữ APATA COO8/12Gb bên trong có lưu trữ 01 đoạn clip dài 2 phút 42 giây lại hình ảnh T và K1 lấy trộm xe mô tô biển số 86C1- 661.51 tại quán A vào ngày 29/10/2024, lưu theo hồ sơ để phục vụ xét xử.

[5.4]. Xe mô tô biển số 94B1-040.97 do chị Lữ Thị Kim N (sinh năm 1988, trú tại thôn T, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu) đứng tên chủ sở hữu. Chị N khai vào năm 2010 đã bán xe mô tô nêu trên cho một người (chưa rõ nhân thân) với giá 15.000.000 đồng. Vào năm 2022, anh Nguyễn Trí P2 (sinh năm 2001, trú tại thôn T, xã T, thành phố P) đến tiệm cầm đồ Hữu T4 (không rõ địa chỉ) mua xe mô tô biển số 94B1-040.97 (có giấy đăng ký xe mang tên Lữ Thị Kim N) với giá 11.500.000 đồng. Sau đó, anh T4 bán lại xe mô tô trên cho anh Phan Ngọc T2, giữa anh T2 và anh T4 không làm hợp đồng mua bán xe. Hiện Cơ quan điều tra đã trả lại xe mô tô biển số 94B1-040.97 cho anh T2, anh T2 đã nhận lại tài sản.

[5.5]. Xe mô tô biển số 52U4-5146 do anh Nguyễn Ngọc T5 (sinh năm 1990, trú tại phường A, quận A, thành phố Hồ Chí Minh) đứng tên sở hữu. Vào năm 2016, anh T5 bán xe mô tô nêu trên cho anh Trần Thanh H2 (sinh năm 1982, trú tại khu phố E, phường P, thành phố P) với giá 10.000.000 đồng. Sau đó, đến tháng 8/2024, anh H2 bán xe mô tô nêu trên cho chị Nguyễn Thị H (sinh năm 1983, trú tại thôn P, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận, là mẹ của Nguyễn Đồng T) với giá 5.000.000 đồng. Việc Nguyễn Đồng T tự ý lấy xe mô tô nêu trên cùng với Nguyễn Gia B thực hiện hành vi

trộm cắp tài sản thì chị H không biết. Do đó, Cơ quan điều tra đã trả lại xe mô tô nêu trên cho chị H

[6] Về trách nhiệm dân sự: Lê Bá P1 sau khi nhận QĐXX không yêu cầu T bồi thường 10.600.000 đồng là giá trị số tài sản bị chiếm đoạt, các bị hại anh T2, anh T1, chị H1 đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường dân sự, nên HĐXX không xét.

[7] Đối với Nguyễn Hoàng Đăng K sinh ngày 16/10/2010, khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản vào ngày 26/9/2024, K được 13 năm 11 tháng; Nguyễn Minh K1 sinh ngày 05/03/2012, khi thực hiện hành vi phạm tội vào ngày 29/10/2024, K1 được 12 năm 07 tháng, chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự theo Điều 12 BLHS nên Cơ quan điều tra không xử lý Đăng K và Minh K1 về tội “Trộm cắp tài sản” có căn cứ.

Đối với Lê Văn Ú và Bùi Thanh T3 là người mua lại chiếc máy tính laptop hiệu Dell và điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus do T trộm cắp nhưng Ú và T3 đều không biết tài sản trên do T phạm tội mà có, nên Cơ quan điều tra không xử lý hình sự đối với Ú và T3 về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” là có căn cứ.

[8] Về án phí: Các Bị cáo phải chịu án phí theo luật định.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ vào: khoản 1 Điều 173; điểm g, o khoản 1 Điều 52; Điều 91; Điều 98; khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự. Khoản 1 Điều 119, khoản 2 Điều 179 Luật Tư pháp người chưa thành niên, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Đồng T** phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đồng T **01 (một) năm** tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, 25/4/2025.

2. Căn cứ vào: khoản 1 Điều 173; điểm o khoản 1 Điều 52; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Gia B** phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Gia B **06 (sáu) tháng** tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, 25/4/2025.

3. **Về án phí:** Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Các Bị cáo Nguyễn Đồng T, Nguyễn Gia B mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. **Về quyền kháng cáo:** Các Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 31/7/2025. Các Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- Theo Điều 262 BLTTHS;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Bích Ngọc**